TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 614/2023/ HNGĐ-ST
Ngày: 22/9/2023
V/v Tranh chấp "ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Thương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đức Nhì.
2. Bà Phạm Thị Kim Hoàng.

Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thùy Vân – Thư ký Toà án nhân dân Quận 6.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 6 Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Anh Đào - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22/9/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân Quận 6 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 242/2023/TLST-HNGĐ ngày 19/4/2023 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 99/2023/QĐST-HNGĐ ngày 23/8/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Ngọc P, sinh năm 1990; Địa chỉ thường trú: 10 Đường C, Phường M, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

Địa chỉ liên lạc: 261 Đường T, Phường H, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1990; Địa chỉ: 958/29 Đường A, Phường B, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/4/2023, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Võ Ngọc P trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2013, đăng ký kết hôn ngày 16/7/2014 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 093/2014 do UBND Phường 10, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh cấp.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc cùng gia đình bà P tại số 10 Đường C, Phường M, Quận S. Đến đầu năm 2016 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn về kinh tế, đồng thời do ông T hay ghen với những người làm ăn, mua bán cùng bà P, từ đó vợ chồng hay cự cãi, cuộc sống chung ngột ngạt. Bà P đã nhiều lần góp ý nhưng ông T không

thay đổi, vợ chồng không còn tin tưởng, không có tiếng nói chung. Từ giữa năm 2016, ông T bỏ về nhà cha mẹ ruột tại 958/29 Đường A, Phường B, Quận S ở, vợ chồng ly thân cho đến nay. Trong thời gian ly thân ông T rất ít đến thăm con, không phụ giúp bà P kinh tế nuôi con, mọi chi phí lo cho con đều do bà P lo liệu. Ông T cũng không liên lạc nói chuyện hàn gắn vợ chồng. Nhận thấy, vợ chồng ly thân đã lâu, nay tình cảm không còn nên bà P xin ly hôn với ông T.

- Về con chung: Có 01 con chung là trẻ Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 03/11/2014. Bà Võ Ngọc P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Bị đơn là ông Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên toà, không có bản tự khai.

Tại phiên tòa hôm nay, bà P có đơn xin vắng mặt, không có đơn rút yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình từ khi tòa án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ kết quả xác minh của Công an Phường 13, Quận 6, ông Nguyễn Văn T có thực tế cư trú tại Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. Nay bà P có đơn xin ly hôn ông T nên Tòa án nhân dân Quận 6 thụ lý và giải quyết theo quy định tại khoản 1 điều 51 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 và khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, bà Võ Ngọc P có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, ông Nguyễn Văn T vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Ngọc P và ông Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 093/2014 ngày 16/7/2014 do UBND Phường 10, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh cấp. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: "Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau....Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau…. "; Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "…Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng

làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được".

Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng,

Theo bà P thì từ đầu năm 2016, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn về kinh tế, đồng thời do ông T hay ghen, từ đó vợ chồng cự cãi, cuộc sống chung ngột ngạt, vợ chồng không còn tin tưởng, không có tiếng nói chung. Từ giữa năm 2016 ông T và bà P ly thân cho đến nay, ông T cũng không liên lạc nói chuyện hàn gắn với bà P.

Về phía ông Nguyễn Văn T, Tòa án đã gởi thông báo thụ lý cho ông T về việc bà P có đơn yêu cầu ly hôn ông T. Tuy nhiên, từ khi nhận thông báo thụ lý đến nay ông T không có văn bản gửi Tòa án về ý kiến của mình đối với yêu cầu của bà P, cũng không đến Toà án để tham dự hòa giải mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần. Cho thấy mối quan hệ giữa ông T và bà P đã không còn gắn bó; vợ chồng đã ly thân từ giữa năm 2016, nay không còn yêu thương, chăm sóc lẫn nhau; ông T không còn tha thiết đến tình cảm vợ chồng, không quan tâm đến việc hàn gắn tình cảm vợ chồng; phía bà Võ Ngọc P vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên chấp nhận yêu cầu của bà P là thỏa đáng.

[3]Về con chung: Bà P và ông T có 01 con chung là trẻ Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 03/11/2014, hiện bà P đang nuôi dưỡng con chung. Bà P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông Tuấn cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử thấy rằng từ khi ly thân bà P là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung đến nay và đủ điều kiện về mọi mặt để lo cho con, đồng thời cũng phù hợp nguyện vọng của trẻ muốn ở với bà P. Do vậy, HĐXX chấp nhận yêu cầu của bà P, giao con chung là trẻ Nguyễn Tuấn K cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà P không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[4]Về tài sản chung: Bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Khi nào có tranh chấp các bên có quyền khởi kiện trong vụ kiện khác.

[5] Về nợ chung: Khi nào có tranh chấp các bên có quyền khởi kiện trong vụ kiện khác.

[6] Về án phí: Bà Võ Ngọc P phải chịu án phí theo quy định tại điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39,điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật thi hành án dân sự năm 2008 đã sửa đổi, bổ sung năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016).

TUYÊN XỬ:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Võ Ngọc P đối với ông Nguyễn Văn T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 093/2014 ngày 16/7/2014 do UBND Phường 10, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh cấp cho bà Võ Ngọc P và ông Nguyễn Văn T không còn giá trị pháp lý.

2/ Về con chung: Giao con chung là trẻ Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 03/11/2014 cho bà Võ Ngọc P trực tiếp nuôi dưỡng.

Việc cấp dưỡng nuôi con: Bà Võ Ngọc P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Nguyễn Văn T có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Toà án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con, yêu cầu hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên hoặc hạn chế quyền thăm nom con sau khi ly hôn.

3/ Về tài sản chung: Khi nào có tranh chấp các bên có quyền khởi kiện trong vụ kiện khác.

4/ Về nợ chung: Khi nào có tranh chấp các bên có quyền khởi kiện trong vụ kiện khác.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Võ Ngọc P phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà P đã nộp theo biên lai thu số 0013196 ngày 19/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, TP. Hồ Chí Minh.

Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật Tố tụng Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 6;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6;
-UBND Phường 10, Quận 6.
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Kim Thương